

Tự do hóa tài chính và những vấn đề cần quan tâm của hệ thống ngân hàng Việt Nam

NGUYỄN THANH PHONG

Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề tự do hóa tài chính từng bước hội nhập kinh tế khu vực và thế giới không còn là sự lựa chọn của bất kỳ một quốc gia nào, mà nó đang là xu thế tất yếu bắt buộc các quốc gia phải thực hiện để đưa nền kinh tế của quốc gia mình đi vào quỹ đạo chung của kinh tế thế giới. Do đó, để đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển kịp với các quốc gia trong khu vực thì một trong những vấn đề quan trọng là từng bước cải cách hệ thống tài chính, hoàn thiện hệ thống ngân hàng theo hướng hội nhập.

Tự do hóa tài chính được hiểu một cách khái quát là việc hạn chế sự can

thiệp của Nhà nước bằng các công cụ hành chính vào các mặt hoạt động của hệ thống tài chính quốc gia, để hệ thống tài chính tự điều tiết theo cơ chế vận hành của thị trường.

Từng bước hội nhập

Với cái nhìn chiến lược và phương châm đúng đắn, các nhà quản lý và điều hành kinh tế đã tiến hành cải cách hệ thống tài chính, cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam để từng bước hội nhập với kinh tế toàn cầu. Nhìn chung trong thời gian vừa qua, Việt Nam đã có những việc làm thiết thực đánh dấu cho tiến trình hội nhập trong giai đoạn đầu:

- Thiết lập được các mối quan hệ tài chính với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế: Quỹ tiền tệ thế giới (IMF); Ngân hàng thế giới (WB) kể từ năm 1992.

- Gia nhập và trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) năm 1995.

- Tham gia các diễn đàn hợp tác kinh tế: Diễn đàn hợp tác Á - Âu năm tháng 3.1996 với tư cách là thành viên sáng lập. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) từ tháng 11.1998.

- Tham gia khu mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).

- Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo được hành lang pháp lý an toàn trong kinh doanh. Điều này được đánh dấu bởi việc ban hành hàng loạt các luật, sửa đổi bổ sung một số điều khoản trong các bộ luật sao cho phù hợp với tình hình hoạt động trong giai đoạn đổi mới của nền kinh tế và thông lệ quốc tế trong tiến trình hội nhập. Chẳng hạn luật doanh nghiệp, luật ngân hàng

- Điều đặc biệt đáng lưu ý là vào tháng 7.2000, Việt Nam đã tiến hành đàm phán và ký kết hiệp định thương mại Việt Mỹ, đến tháng 12.2001 Quốc hội hai nước đã chính thức thông qua hiệp định này.

- Về việc điều hành lãi suất: đã từng bước gỡ bỏ dần các ràng buộc trong cơ chế điều hành lãi suất. Qua nhiều lần thay đổi cơ chế điều hành lãi suất, hiện nay đã tiến tới tự do hóa lãi suất hoàn toàn.

- + Sau khi hệ thống Ngân hàng

Việt Nam được tổ chức theo mô hình Ngân hàng 2 cấp, hoạt động theo cơ chế thị trường thì cơ chế lãi suất bao cấp đã được loại bỏ.

- + Từ tháng 6.1992 đến cuối năm 1995 điều hành lãi suất theo khung lãi suất (bao gồm lãi suất trần với lãi suất cho vay và lãi suất sàn với lãi suất huy động).

- + Từ đầu năm 1996 đến tháng 7.2000 Ngân hàng Nhà nước áp dụng mức lãi suất trần đối với lãi suất cho vay.

- + Từ tháng 8.2000 đến tháng 5.2001 áp dụng cơ chế lãi suất cơ bản, nghĩa là Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố lãi suất cơ bản và biên độ dao động cho phép trên cơ sở đó ngân hàng thương mại sẽ quyết định lãi suất kinh doanh của mình. Trong cơ chế này lãi suất cơ bản đóng vai trò rất quan trọng trong việc quyết định lãi suất kinh doanh của ngân hàng

- + Từ tháng 6.2001 đến tháng 5.2002 áp dụng cơ chế lãi suất cơ bản đối với đồng Việt Nam và lãi suất thị trường đối với ngoại tệ (USD).

- + Từ tháng 6.2002 đến nay thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận cho cả Việt Nam đồng và ngoại tệ. Nghĩa là việc ban hành lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước chỉ mang tính chất làm tín hiệu cho thị trường, lãi suất được hình thành hoàn toàn dựa trên quan hệ cung cầu vốn thị trường và mức độ tín nhiệm trong quan hệ tài chính

- Tổ chức phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ, một mặt là để huy động ngoại tệ mặt khác nhằm đưa sản phẩm tài chính của Việt Nam đi vào giao dịch trên thị trường quốc tế. Qua đó cho thấy thiện chí của Việt Nam trong tiến trình hội nhập.

- Về điều hành tỷ giá: Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện việc công bố tỷ giá trên cơ sở tỷ giá bình quân chung trên thị trường liên Ngân hàng và kèm theo biên độ dao động cho phép, cụ thể kể từ tháng 07.2002 đến nay biên độ dao động là 0.2 %. Điều này cho thấy tỷ giá hoàn toàn được điều chỉnh một cách linh hoạt theo cơ chế thị trường

- Từng bước cơ cấu, sắp xếp lại hệ thống ngân hàng Việt Nam theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh trong tiến trình hội nhập, nội dung chủ yếu là cơ cấu về vấn đề tài chính của

hệ thống ngân hàng cụ thể là:

+ Tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại quốc doanh, theo kế hoạch giai đoạn từ năm 2002 đến 2005 là 7.840 tỷ đồng Việt Nam dưới dạng trái phiếu đặc biệt do Chính phủ phát hành, hiện nay việc tăng vốn đã thực hiện xong đợt 1 với tổng lượng trái phiếu phát hành khoảng 3.840 tỷ đồng Việt Nam, phần còn lại sẽ tiếp tục thực hiện cho đến năm 2005.

+ Tăng vốn của các ngân hàng thương mại cổ phần theo hướng sáp nhập các NHTMCP có tiềm lực tài chính yếu vào các NHTM CP có tiềm lực tài chính mạnh hơn, giải thể các ngân hàng hoạt động không có hiệu quả, kết quả hiện nay chỉ có 21 ngân hàng thương mại cổ phần đô thị trên tổng số 30 ngân hàng ban đầu và 15 ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn trên tổng số 21 ngân hàng ban đầu.

Kết quả trên chỉ cho thấy bước đi thuận lợi ban đầu của Việt Nam trong tiến trình hội nhập. Nhưng để đạt được mục đích cuối cùng trong tiến trình hội nhập thì cần phải nhận thức sâu hơn nữa những thuận lợi và khó khăn cũng như thời cơ và thách thức để có bước chuẩn bị tốt hơn

Thuận lợi

- Khi đề cập đến những thuận lợi trong tiến trình hội nhập thì trước hết phải kể đến vai trò lãnh đạo của Nhà nước, luôn luôn thể hiện sự nhất quán trong quản lý và điều hành nền kinh tế, chủ động đổi mới và hội nhập đúng lúc, phù hợp với xu thế của thời đại.

- Môi trường đầu tư tại Việt Nam được đánh giá là có mức độ an toàn cao, ổn định về an ninh và chính trị, được công ty Standard and Poor xếp hạng tín nhiệm là BB vào tháng 5.2002 so với công ty Moody's Invertor Service xếp hạng B vào tháng 04.2001. Điều này chứng tỏ Việt Nam là môi trường đầu tư có nhiều hứa hẹn.

- Kể thừa được những kinh nghiệm của một số quốc gia đi trước.

- Được sự đồng tình ủng hộ của tất cả các đơn vị cá nhân trong tất cả các thành phần kinh tế.

Khó khăn

Mặc dầu có những thuận lợi từ

nhiều phía song trong tiến trình hội nhập vẫn không tránh khỏi những khó khăn nhất định:

- Do có một thời gian khá dài duy trì cơ chế tập trung bao cấp, nên khi chuyển sang cơ chế thị trường còn nhiều vướng mắc trong vấn đề quản lý.

- Đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng, gần 40 năm tồn tại và hoạt động theo mô hình ngân hàng một cấp. Do đó khi chuyển sang mô hình ngân hàng 2 cấp không tránh khỏi một số hạn chế nhất định.

Về phía Ngân hàng trung ương:

+ Chưa thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các ngân hàng thương mại. Việc thanh tra kiểm soát, xử lý nợ tồn đọng đối với các ngân hàng thương mại chưa được thực hiện đúng mức.

+ Ngân hàng trung ương chưa thể hiện được tính độc lập tương đối trong quản lý và điều hành hệ thống ngân hàng. Do đó trong mảng nghiệp vụ ngân hàng đối với các ngân hàng thương mại chưa được quan tâm đúng mức, thể hiện rõ nhất là đối với ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, do đó tạo ra một trạng thái cạnh tranh không cân sức trong lĩnh vực ngân hàng.

Về phía ngân hàng thương mại:

+ Năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam còn rất yếu, đặc biệt là đối với các NHTMCP. Do đó khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam đối với ngân hàng thương mại nước ngoài có phần hạn chế. Trong đó NHTMQD thành phần chủ chốt của hệ thống ngân hàng Việt Nam có vốn tương đối lớn nhưng so với ngân hàng nước ngoài thì rất thấp. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có vốn cao nhất trong hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh nhưng chỉ có khoảng 140 triệu USD. Đối với NHTMCP thì mức vốn bình quân chung dưới 10 triệu USD, trong đó Eximbank được xem là NHTM CP có vốn lớn nhưng cũng chỉ khoảng 300 tỷ VND thấp hơn rất nhiều so với mức vốn của chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó đây là một bất lợi rất lớn trong vấn đề cạnh tranh khi hội nhập.

+ Nghiệp vụ của ngân hàng

thương mại chưa phong phú, chủ yếu là các nghiệp vụ truyền thống, do đó làm cho hoạt động của ngân hàng trở nên đơn điệu chưa thật sự thu hút đối với khách hàng:

Về nghiệp vụ nguồn vốn:

Hình thức huy động còn hạn chế chủ yếu dưới dạng nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiết kiệm Trong cơ cấu vốn huy động thì vốn ngắn hạn lại chiếm tỷ trọng lớn so với các thành phần khác. Điều này chứng tỏ NHTM chưa xây dựng được chiến lược huy động vốn dài hạn, chưa kết hợp được hình thức huy động vốn với các phương thức thanh toán hiện đại. Do đó không thể khai thác hết nguồn vốn tiềm năng trong nền kinh tế.

Về nghiệp vụ sử dụng vốn:

Nghiệp vụ sử dụng vốn hiện nay chủ yếu là hoạt động tín dụng nhưng trong mảng này chưa mở rộng được hoạt động cho vay mới chẳng hạn tín dụng thấu chi, chiết khấu chứng từ có giá, cho vay tiêu dùng thì chỉ áp dụng cho thành phần kinh tế nhà nước. Hoạt động đầu tư thì chủ yếu tập trung vào mua các tín phiếu và tín dụng kho bạc chưa mạnh dạn đầu tư vào các loại chứng khoán khác.

Về kinh doanh dịch vụ ngân hàng:

Được xem là mảng nghiệp vụ mang lại tỷ suất lợi nhuận cao nhưng chưa có sự quan tâm đúng mức. Dịch vụ chủ yếu của ngân hàng hiện nay là dịch vụ thanh toán, chuyển tiền.... Chất lượng sản phẩm dịch vụ còn hạn chế chưa tạo được lợi thế trên thị trường

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ cán bộ công nhân viên chưa đồng đều. Ngân hàng chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của công tác bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ ngân hàng.

+ Trong quản lý chưa có sự tách bạch giữa nghiệp vụ chính sách và nghiệp vụ kinh doanh, chủ yếu là ở các NHTMQD. Do đó tạo sức ỳ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Qua những thuận lợi và khó khăn vừa nêu trên đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức đòi hỏi các nhà quản lý điều hành nền kinh tế cần phải quan tâm nhiều hơn nữa trong việc cải tổ lại hệ thống ngân hàng Việt Nam ■